



CÔNG TY TNHH XNK VẬT TƯ THIẾT BỊ HUY PHÁT

Địa Chi : 60/3C, Tổ 4, Ấp Chánh 1, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP, Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0909 65 11 67 - 0981 64 31 81 Mr Dũng ; 0902 72 46 71 - 0967 65 59 54 Mr Chiến









Tài khoản : 213185159 - Tại ngân hàng ACB PGD Điện Biên Phủ, TP, Hồ Chí Minh









Email : Vattuhuyphat@gmail.com - pkdhuyphat2016@gmail.com

Web : Vattuduongong.com.vn - Phukienapluc.com.vn

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN REN SIAM- THÁI LAN

chúng tôi có thể thay đổi giá mà không cần báo trước quý khách liên hệ để biết chính xác giá qua số dt: 0909651167- Dũng

Quy cách Size		Co ren Elbows 90 Red. Elbows L90 (90)	Ren trong ren ngoài Extension pieces X (529A)	Kép ren Hexagon Nipples NI (280)	Mãng sông Couplings S (270)	Rắc co Union standard flat seat U (330)	Rắc co hơi Union brass to iron seat CU (342)	Nút ren Plugs P (290)	Nắp ren Caps CA (301)
Inh	DN								
1/2	15	10,000	13,200	7,900	7,700	32,900	48,300	6,000	8,500
3/4	20	15,400	15,800	10,900	11,700	43,800	63,700	7,500	10,200
1	25	22,000	24,300	16,400	16,900	50,600	72,600	10,200	14,700
1 1/4	32	35,200	35,200	24,300	24,300	68,100	96,600	15,000	20,700
1 1/2	40	43,800	41,700	30,800	32,900	89,900	126,500	18,800	26,300
2	50	70,300	59,200	43,800	51,500	136,100	193,100	27,800	37,400

Quy cách Size		Co đầu Street elbows 90 SL90 (92)	Co lõi 45 Elbows 45 L45 (120)	Tê đều Tees equal T (130)	Tê giảm Red. Tees RT (130R)	Bầu giảm Reducer couplings RS (240)	Cà rá Bushings BU (241)	Thập ren Crosses CR (180)	Co 3 ngã Side outlet elbows SOL (221)
Inh	DN								
1/2	15	10,200	10,000	13,200	20,300	9,400	7,500	28,600	26,300
3/4	20	15,800	15,400	20,300	20,700	12,000	8,600	39,700	32,900
1	25	24,300	22,000	30,800	30,800	17,500	12,800	52,800	46,100
1 1/4	32	37,400	35,200	50,600	50,600	25,400	19,900	76,700	76,700
1 1/2	40	48,300	43,800	65,800	65,800	34,000	26,300	103,200	114,100
2	50	83,500	70,300	95,500	95,500	52,800	35,000	148,500	160,000